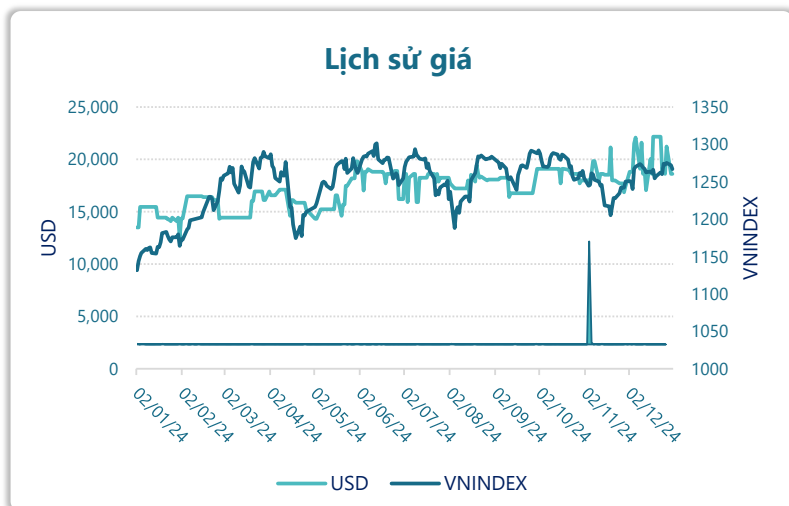


CTCP Công trình Đô thị Sóc Trăng (UPCOM: USD)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,167
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,487
SL cổ phiếu LH	5,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
P/E	
EPS	

DT thuần
Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024

12.1%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần
2024

217

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0 | 12.8%

LN sau thuế
2024

20.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.90 | 5.1%

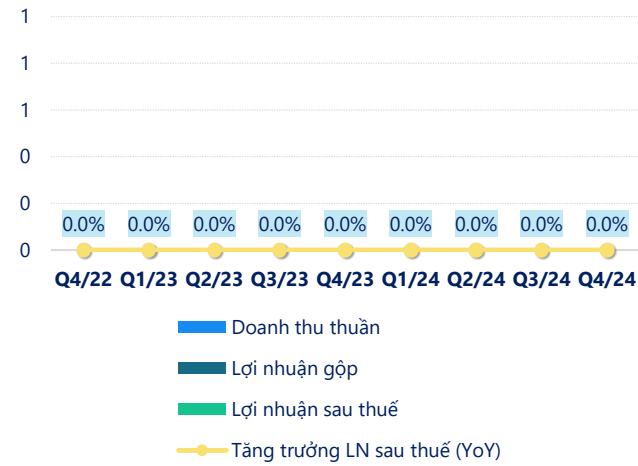
ROE
2024

25.0%

+/- YoY: ▲ 1.1%

tỷ VNĐ

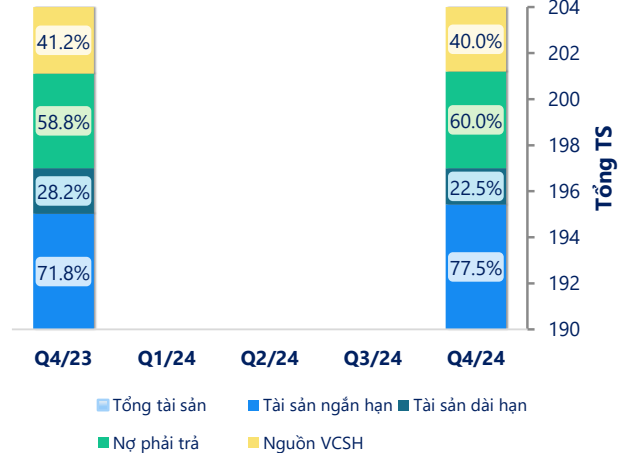
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

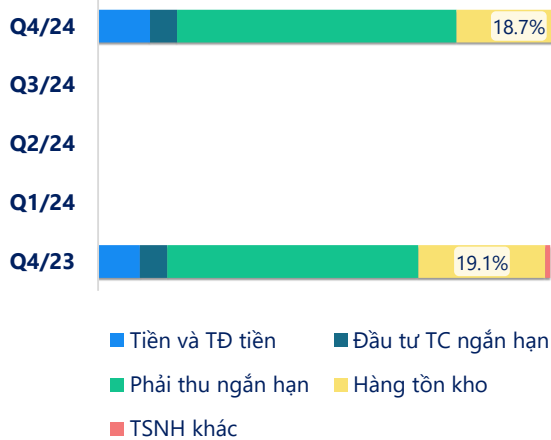
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



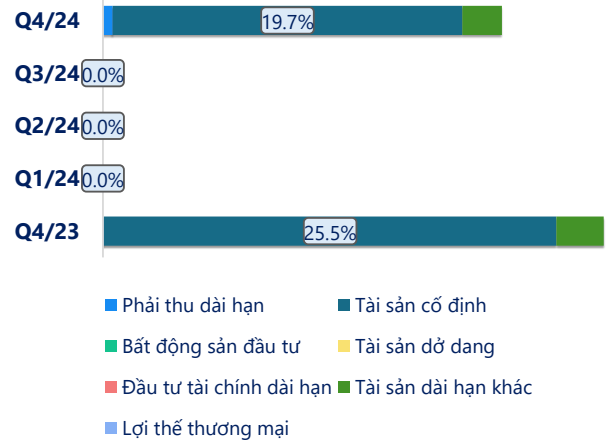
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

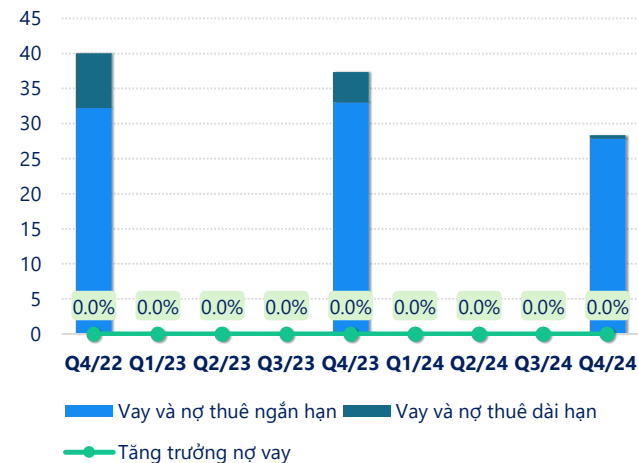
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

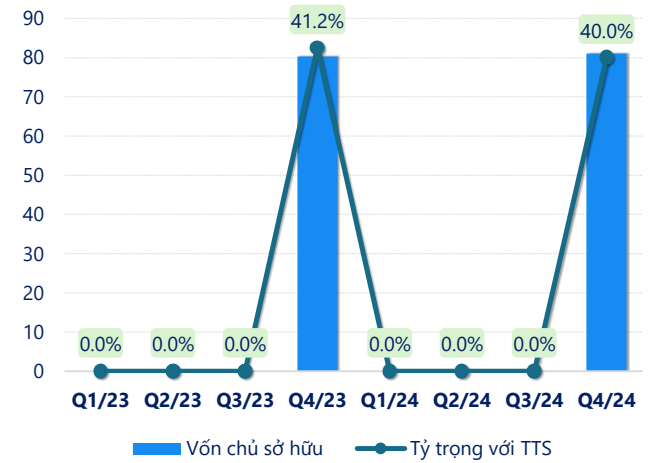
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

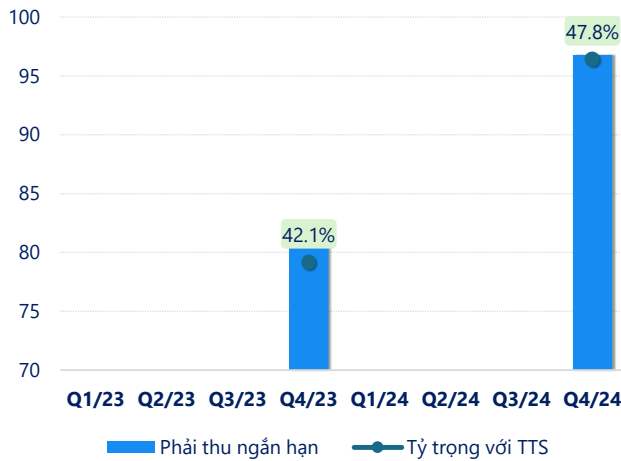
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

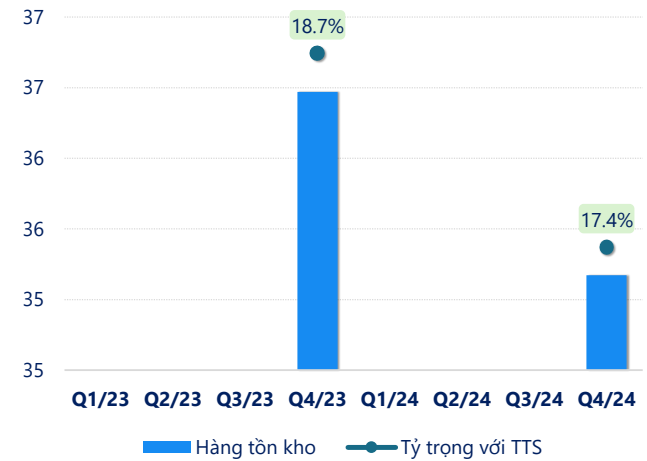
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

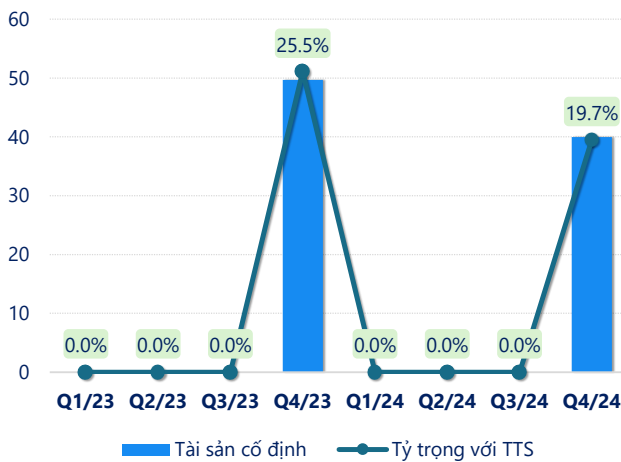
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

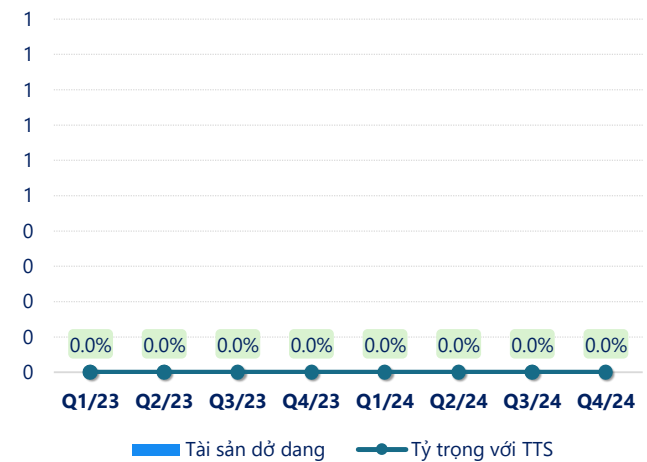
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

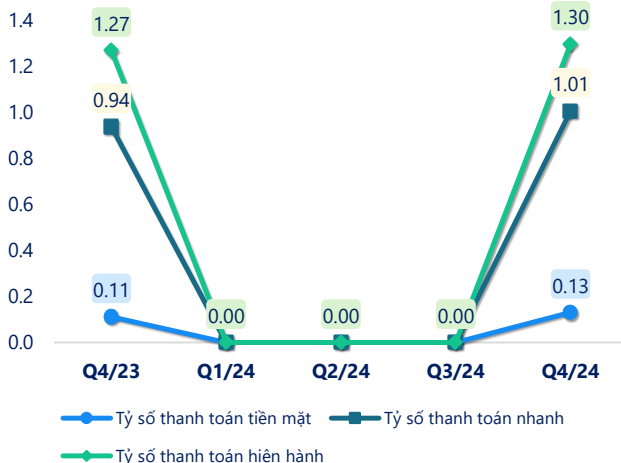
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



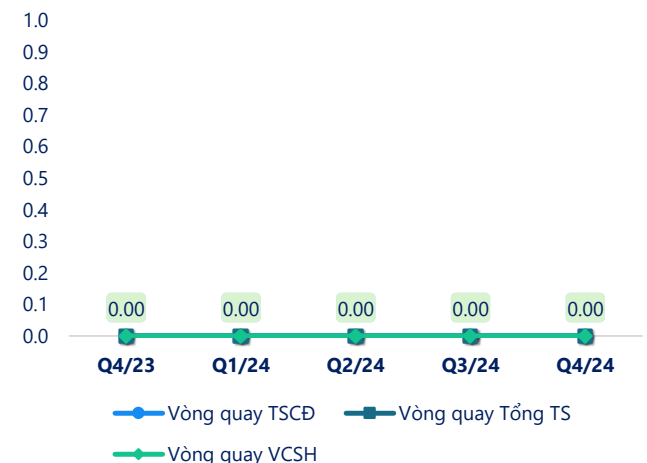
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	195				202
Tài sản ngắn hạn	140				157
Tiền và tương đương tiền	12.3				15.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.90				7.90
Phải thu ngắn hạn	81.8				96.8
Hàng tồn kho	36.5				35.2
Tài sản ngắn hạn khác	1.14				1.21
Tài sản dài hạn	55.0				45.6
Phải thu dài hạn	0.09				1.09
Tài sản cố định	49.7				40.0
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	0				0
Đầu tư tài chính dài hạn	0				0
Tài sản dài hạn khác	5.17				4.50
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	114				121
Nợ ngắn hạn	110				121
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.0				27.9
Phải trả người bán ngắn hạn	16.7				18.9
Nợ dài hạn	4.36				0.47
Vay và nợ thuê dài hạn	4.36				0.47
Nguồn vốn chủ sở hữu	80.3				81.0
Vốn chủ sở hữu	80.3				81.0
Vốn điều lệ	56.0				56.0
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)